

Bản án số: 41/2020/HS-PT

Ngày: 12 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Minh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Cẩm T; sinh năm: 1993 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái D và bà Bùi Thị N; có chồng là: Trương Lê Hải D1; con có 01 người, sinh ngày 19/01/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên tại phiên tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T vào làm nhân viên tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VTV (Công ty VPBFC) theo hợp đồng dịch vụ bán hàng từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2017. T là nhân viên tư vấn tín dụng hỗ trợ và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn mua sản phẩm trả góp là điện thoại di động hoặc tivi tại Cửa hàng online F; T Vị Thanh và Cửa hàng offline TH tọa lạc trên địa bàn thành phố Vị Thanh. Khi làm nhân viên tư vấn tín dụng, Nguyễn Thị Cẩm T được nhân viên cấp 01 user ID và mật khẩu riêng dùng đăng nhập vào hệ thống. Nhân viên tư vấn tín dụng có thể sử dụng user ID được cấp để tra cứu thông tin khách hàng. Khi làm việc nhân viên tư vấn tín dụng được công ty cấp **máy** vi tính và **máy** scan và chỉ có hệ thống máy này mới được lập và chuyển hồ sơ đến công ty để duyệt vay vốn cho khách hàng.

Khi hỗ trợ và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn mua sản phẩm trả góp thì T có tư vấn cho khách hàng nếu có nhu cầu làm thẻ tín dụng thì sẽ làm chung cùng **hồ** sơ vay vốn. T thừa nhận có trực tiếp lấy 02 thẻ tín dụng của khách hàng mang đi tiêu xài nhưng không nhớ rõ tên chủ thẻ cũng như số tiền chiếm đoạt trên các thẻ này. Ngoài ra, còn có 05 hồ sơ vay vốn mua sản phẩm trả góp có kèm lập thẻ tín dụng, trong đó có 02 hồ sơ được duyệt lập thẻ tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn số 20170616-0007039 của khách hàng Lê Thị A. T trực tiếp nhận thẻ tín dụng và sử dụng hết số tiền 10.000.000đ.

- Hợp đồng vay vốn số 20170603-0007404 của khách hàng Nguyễn Thị K. T trực tiếp nhận thẻ tín dụng và sử dụng hết số tiền 5.000.000đ.

Khi hồ sơ vay vốn được công ty duyệt thì sẽ tiến hành giao nhận sản phẩm cho khách hàng. Việc giao nhận sản phẩm được thực hiện giữa ba bên gồm: Cửa hàng F, Cửa hàng T hoặc Cửa hàng TH – Nguyễn Thị Cẩm T – Khách hàng cùng ký vào “Bản xác nhận” chứng minh sản phẩm đã trao tận tay khách hàng. Công ty VPB FC đã cung cấp 31 hồ sơ liên quan, các hồ sơ này do T làm tư vấn, hướng dẫn và lập hồ sơ cho khách hàng.

Tại Kết luận giám định số 2265/C54B ngày 31/7/2018 của Phân viện khoa học kỹ thuật Hình sự thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục cảnh sát đã kết luận: 26 hồ sơ do Nguyễn Thị Cẩm T lập [chữ viết, chữ ký trên hồ sơ (hồ sơ vay và giao nhận sản phẩm) của khách hàng và Nguyễn Thị Cẩm T do T viết ra]:

Chữ viết họ tên khách hàng trên tài liệu có tiêu đề “Check list” số hợp đồng; dưới mục “Xác nhận của bên vay/chủ thẻ” và dưới mục “Bên vay/chủ thẻ” trên tài liệu “Thông tin bảo hiểm dư nợ cá nhân.”; dưới mục “Bên B” trên tài liệu “Bản

xác nhận” so với chữ viết trên 05 tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

Đối với 05 hợp đồng còn lại gồm: hợp đồng số 20150808-611013-0001 của Mã Phương T; hợp đồng số 20170713-0002946 của Phan Văn Mười B; hợp đồng số 20160824-611013-2510 của Trần Thị Bội T; hợp đồng số 20170408-0004951 của Lê Kim P và hợp đồng số 20160828-611013-1992 của Nguyễn Thị Minh T kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên khách hàng dưới mục “Xác nhận của bên vay” và dưới mục “Bên vay” trên tài liệu “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng”; dưới mục “Người được bảo hiểm” trên tài liệu “Thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân”; dưới mục “Bên B” trên tài liệu “Bản xác nhận” so với chữ viết trên 05 tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là có phải do cùng một người viết ra hay không.

Trong 05 hợp đồng vay vốn trên, có hợp đồng của Phan Văn Mười B và Lê Kim P, T đã lấy thông tin khách hàng trên hệ thống chỉnh sửa nơi ở, số chứng minh nhân dân rồi làm thủ tục vay vốn để chiếm đoạt tài sản. Còn lại 03 hợp đồng của Mã Phương T, Nguyễn Thị Minh T và Trần Thị Bội T là thật.

Quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi tự lấy thông tin khách hàng trên hệ thống dữ liệu của Công ty VPBFC. Sau đó, T sao chép về rồi chỉnh sửa các thông tin như: Tên khách hàng, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú, hình ảnh ... nhằm lập hợp đồng vay vốn chiếm đoạt tài sản. Sau khi hoàn tất, T tự tiến hành làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng, ký thay chữ ký và viết họ tên khách hàng, scan hồ sơ vay vốn chuyển về công ty. Sau khi hồ sơ được duyệt thì T cầm hồ sơ đến Cửa hàng F Vị Thanh, T Vị Thanh hoặc Cửa hàng TH nhận sản phẩm rồi mang bán ra ngoài lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Nguyễn Thị Cẩm T đã trực tiếp lập không 28 hồ sơ vay vốn để mua sản phẩm trả góp. Để vay vốn mua sản phẩm, T phải tự bỏ tiền riêng của mình ra từ 10% đến 30% tùy theo giá trị sản phẩm để lập hồ sơ vay, số tiền còn lại công ty sẽ giải ngân cho cửa hàng. Sau khi được công ty duyệt vay, T mang hồ sơ đến Cửa hàng F Vị Thanh, T Vị Thanh hoặc TH lấy sản phẩm rồi đem bán ở các cửa hàng trên thành phố Cần Thơ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong số 28 hồ sơ vay vốn thì có 02 hồ sơ đã thanh toán xong. Tổng số tiền mà T chiếm đoạt của Công ty VPBFC là 144.467.280đ, hồ sơ vay vốn có số tiền chiếm đoạt thấp nhất là 2.259.600đ cao nhất là 8.442.720đ.

Ngày 21/3/2018 T nộp 164.357.000đ tiền khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 51; Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 4 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình có người thân có công với cách mạng; trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo có thai, quy định tại điểm 1 khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm cáo Nguyễn Thị Cẩm T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2017 khi làm nhân viên tư vấn tín dụng cho công ty VPBFC, bị cáo đã sao chép thông tin khách hàng trên hệ thống dữ liệu của công ty, sau đó tự chỉnh sửa thông tin để lập khống hồ sơ vay vốn chiếm đoạt tài sản của công ty với tổng số tiền là 144.467.280đ. Do đó, với hành vi

và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, cấp sơ thẩm áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có người thân là người có công với cách mạng; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo là phụ nữ có thai nhưng cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ này là có phần thiếu sót nên cần xem xét áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm 1 khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 139; điểm b, l, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQCSĐT, Chi cục THADS Tp. 3.
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến